



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Tổng Công Ty Việt
Thắng - Ctcp (Tên
Cũ: Công Ty CP
Dệt Việt Thắng)**

Digitally signed by Tổng Công Ty Việt Thắng -
Ctcp (Tên Cũ: Công Ty CP Dệt Việt Thắng)
DN: CN=Tổng Công Ty Việt Thắng - Ctcp (Tên
Cũ: Công Ty CP Dệt Việt Thắng), O=MST:
0301445210, L=4/27/2018 12:04:11 PM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-01 14:03:41
Foxit Reader Version: 9.1.0



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh số	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diêu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phụng Ông Lê Nguyên Ngọc	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Nguyên Ngọc Ông Nguyễn Quang Minh Ông Diệp Quốc Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2018) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	---

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00459-19-1




Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		674.500.149.029	558.465.432.859
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	57.130.576.643	35.347.434.495
Tiền	111		52.130.576.643	25.477.434.495
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	9.870.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.049.150.685	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	16.049.150.685	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		277.586.989.248	264.282.765.192
Phải thu của khách hàng	131	7	255.696.392.185	261.102.485.562
Trả trước cho người bán	132		17.746.453.602	748.956.450
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.417.811.218	2.704.990.937
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(273.667.757)	(273.667.757)
Hàng tồn kho	140	9	321.242.421.172	257.995.315.508
Hàng tồn kho	141		326.548.929.564	260.021.731.708
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.306.508.392)	(2.026.416.200)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.491.011.281	839.917.664
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.353.053.142	828.556.525
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.702.870	11.361.139
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153		117.255.269	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210+220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		665.470.300.078	665.931.264.972
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	100.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	216		100.000.000	100.000.000
Tài sản cố định	220		508.336.859.794	514.949.980.842
Tài sản cố định hữu hình	221	10	508.336.859.794	514.949.980.842
Nguyên giá	222		1.128.180.087.736	1.062.732.090.309
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(619.843.227.942)	(547.782.109.467)
Bất động sản đầu tư	230	11	36.444.749.232	39.485.586.130
Nguyên giá	231		70.468.849.375	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(34.024.100.143)	(30.983.263.245)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.574.732.158	8.780.515.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	17.574.732.158	8.780.515.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	88.549.470.627	88.549.470.627
Đầu tư vào các công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.600.000.000	3.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		14.464.488.267	14.065.712.373
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	13.615.703.335	14.065.712.373
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		848.784.932	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.339.970.449.107	1.224.396.697.831

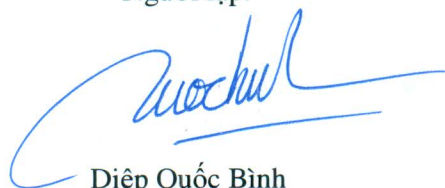
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		698.566.512.504	616.519.405.276
Nợ ngắn hạn	310		608.964.839.946	522.532.229.451
Phải trả người bán	311	15	52.589.758.281	41.590.500.339
Người mua trả tiền trước	312		8.240.639.962	3.226.808.760
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.637.918.482	10.337.309.513
Phải trả người lao động	314		36.164.409.443	23.813.306.561
Chi phí phải trả	315		518.526.169	871.504.308
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	79.494.614.381	1.787.619.928
Vay ngắn hạn	320	18(a)	419.347.490.646	435.701.021.786
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	6.971.482.582	5.204.158.256
Nợ dài hạn	330		89.601.672.558	93.987.175.825
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	1.476.301.000	1.476.301.000
Vay dài hạn	338	18(b)	88.125.371.558	92.510.874.825
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		641.403.936.603	607.877.292.555
Vốn chủ sở hữu	410	20	641.403.936.603	607.877.292.555
Vốn cổ phần	411	21	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	53.396.822.577	53.396.822.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		374.944.386.753	341.417.742.705
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.339.970.449.107	1.224.396.697.831

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

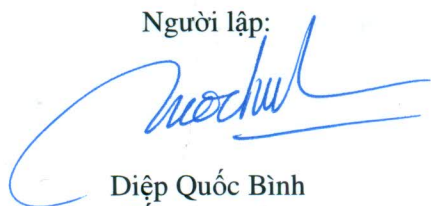
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.812.916.974.908	1.805.755.284.724
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	2.003.874.841	2.654.793.417
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	1.810.913.100.067	1.803.100.491.307
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.616.971.412.563	1.624.479.820.591
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		193.941.687.504	178.620.670.716
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	12.029.657.155	8.331.222.168
Chi phí tài chính	22	28	34.650.103.788	25.380.910.926
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.511.933.602	25.048.712.385
Chi phí bán hàng	25	29	6.679.758.190	10.557.913.624
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	47.818.341.156	48.837.301.393
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		116.823.141.525	102.175.766.941
Thu nhập khác	31	31	962.523.046	2.714.200.048
Chi phí khác	32		830.743.385	-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		131.779.661	2.714.200.048
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		116.954.921.186	104.889.966.989
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	23.392.998.264	21.049.328.939
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(848.784.932)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		94.410.707.854	83.840.638.050

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		116.954.921.186	104.889.966.989
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		93.469.046.846	89.400.412.470
Các khoản dự phòng	03		3.280.092.192	45.546.718
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.991.299.365	(351.648.122)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.154.261.273)	(6.523.009.199)
Chi phí lãi vay	06		28.511.933.602	25.048.712.385
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		234.053.031.918	212.509.981.241
Biến động các khoản phải thu	09		(10.905.847.599)	(28.799.800.942)
Biến động hàng tồn kho	10		(66.527.197.856)	44.240.715.919
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		100.150.054.442	(35.234.265.860)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.074.487.579)	(10.339.482.645)
			255.695.553.326	182.377.147.713
Tiền lãi vay đã trả	14		(28.345.178.073)	(24.862.140.436)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.319.097.478)	(19.630.002.855)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.616.739.480)	(8.735.391.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		197.414.538.295	129.149.612.721
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(93.679.672.152)	(33.947.619.039)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.089.416.000	1.879.600.000
Tiền chi cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(16.049.150.685)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		8.077.794.604	15.613.110.379
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(100.561.612.233)	(16.454.908.660)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.028.350.371.889	1.041.587.011.941
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.051.186.756.136)	(1.204.155.162.711)
Tiền trả cổ tức	36		(52.207.575.000)	(52.724.765.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(75.043.959.247)	(215.292.915.770)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		21.808.966.815	(102.598.211.709)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		35.347.434.495	137.946.407.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(25.824.667)	(761.473)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	57.130.576.643	35.347.434.495

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phần của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, mã TVT.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1.108 nhân viên (1/1/2018: 1.188 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Công cụ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 9 năm

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
-----------	------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng thẳng trong thời gian 3 năm tính từ ngày hoàn thành việc bảo trì.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận****Bộ phận chia theo vùng địa lý**

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.711.692.349.874	1.594.365.063.099	99.220.750.193	208.735.428.208	1.810.913.100.067	1.803.100.491.307
Chi tiêu vốn	92.980.188.783	34.813.626.539	-	-	92.980.188.783	34.813.626.539
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản của bộ phận	1.339.970.449.107	1.224.396.697.831	-	-	1.339.970.449.107	1.224.396.697.831

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	260.542.000	565.929.000
Tiền gửi ngân hàng	51.870.034.643	24.911.505.495
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	9.870.000.000
	57.130.576.643	35.347.434.495

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất năm 8% (2017: Không).

7. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Lâm Anh	21.281.324.768	17.725.502.432
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	14.415.837.709	16.108.511.958
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Quế Hương	11.581.826.913	14.968.047.390
Các khách hàng khác	208.417.402.795	212.300.423.782
	255.696.392.185	261.102.485.562

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty con – Công ty Cổ phần May Việt Thắng	1.437.257.002	944.843.351
Công ty liên kết – Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	1.627.634.279	2.288.289.256
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	14.415.837.709	16.108.511.958
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	4.475.493.993	9.235.336.971
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	25.234.000	450.788.250

Các khoản phải thu từ công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải trả trong vòng là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	273.667.757	471.567.430
Hoàn nhập	-	(197.899.673)
Số dư cuối năm	273.667.757	273.667.757

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải thu	2.630.922.000	1.330.922.000
Các khoản phải thu từ các bên liên quan	30.721.418	14.287.564
Lãi tiền gửi phải thu	310.520.548	252.607.154
Phải thu khác	1.445.647.252	1.107.174.219
	4.417.811.218	2.704.990.937

Cổ tức phải thu và các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu khi có nhu cầu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.380.123.444	-	6.075.836.391	-
Nguyên vật liệu	117.593.082.994	-	45.888.531.117	-
Công cụ và dụng cụ	110.834.536	-	93.488.677	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.554.234.478	-	42.715.836.057	-
Thành phẩm	154.500.094.662	(5.306.508.392)	164.842.284.369	(2.026.416.200)
Hàng hóa	410.559.450	-	405.755.097	-
	326.548.929.564	(5.306.508.392)	260.021.731.708	(2.026.416.200)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	2.026.416.200	1.782.969.809
Tăng trong năm	3.280.092.192	243.446.391
Số dư cuối năm	5.306.508.392	2.026.416.200

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	128.604.072.787	924.645.228.188	8.866.250.970	616.538.364	1.062.732.090.309
Tăng trong năm	-	51.235.566	125.454.545	-	176.690.111
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.423.935.000	81.191.403.857	1.393.942.657	-	84.009.281.514
Thanh lý	-	(18.737.974.198)	-	-	(18.737.974.198)
Số dư cuối năm	130.028.007.787	987.149.893.413	10.385.648.172	616.538.364	1.128.180.087.736
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	61.366.731.814	478.690.382.613	7.168.956.696	556.038.344	547.782.109.467
Khấu hao trong năm	6.940.565.513	82.714.222.797	721.671.620	51.750.018	90.428.209.948
Thanh lý	-	(18.367.091.473)	-	-	(18.367.091.473)
Số dư cuối năm	68.307.297.327	543.037.513.937	7.890.628.316	607.788.362	619.843.227.942
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	67.237.340.973	445.954.845.575	1.697.294.274	60.500.020	514.949.980.842
Số dư cuối năm	61.720.710.460	444.112.379.476	2.495.019.856	8.750.002	508.336.859.794

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 138.989 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 148.058 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 388.323 triệu VND (1/1/2018: 369.649 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	30.983.263.245
Khấu hao trong năm	3.040.836.898
Số dư cuối năm	34.024.100.143
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	39.485.586.130
Số dư cuối năm	36.444.749.232

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Bao gồm trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 26.437 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 23.663 triệu VND).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	8.780.515.000	2.661.750.000
Tăng trong năm	92.803.498.672	34.813.626.539
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(84.009.281.514)	(28.694.861.539)
Số dư cuối năm	17.574.732.158	8.780.515.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bộ ghép sợi	-	8.512.875.000
Dự án cải tạo nhà máy	12.496.080.000	267.640.000
Khác	5.078.652.158	-
	17.574.732.158	8.780.515.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018						1/1/2018					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty con												
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng (i)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (ii)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)
				77.890.684.464	-					77.890.684.464	-	
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
				16.058.786.163	(9.000.000.000)					16.058.786.163	(9.000.000.000)	

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31/12/2018						1/1/2018						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-		-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
				97.549.470.627	(9.000.000.000)					97.549.470.627	(9.000.000.000)	

- (i) Công ty Cổ phần May Việt Thắng được thành lập tại Việt Nam và các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may; may và in trên vải (chỉ cho sử dụng nội bộ), thêu và rửa; kinh doanh phụ liệu, và hóa chất (trừ hóa chất độc hại), phụ tùng, máy may và hàng dệt.
- (ii) Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An được thành lập tại Việt Nam và các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh phụ kiện dệt, nguyên vật liệu, phụ liệu, máy móc, phụ tùng, in ấn và nhuộm vải, thuê kho và ký gửi hàng hóa.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

	2018 Chi phí bảo trì VND
Số dư đầu năm	14.065.712.373
Tăng trong năm	7.544.073.290
Phân bổ trong năm	(7.994.082.328)
Số dư cuối năm	13.615.703.335

15. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2018 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	20.291.443.761	26.273.688.329
Công ty TNHH Dệt Đông Tiến Hưng	8.835.110.048	-
Kangwal Polyester Co., Ltd	5.646.112.406	5.428.646.021
Các nhà cung cấp khác	17.817.092.066	9.888.165.989
	52.589.758.281	41.590.500.339

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2018 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	52.589.758.281	41.590.500.339

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2018 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú – bên liên quan khác	20.291.443.761	26.273.688.329

Các khoản phải trả đối với công ty con và bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.602.497.975	87.377.035.538	(91.325.667.963)	653.865.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.818.381.786	23.392.998.264	(23.319.097.478)	4.892.282.572
Thuế thu nhập cá nhân	41.301.811	1.820.761.937	(1.774.280.088)	87.783.660
Thuế tài nguyên	5.154.400	75.165.779	(76.333.479)	3.986.700
Phí thuê đất	869.973.541	9.761.364.277	(10.631.337.818)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	10.337.309.513	122.430.325.795	(127.129.716.826)	5.637.918.482

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Hỗ trợ thương mại từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	46.703.337.278	-
Hỗ trợ thương mại từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	30.554.806.737	-
Kinh phí công đoàn	318.627.540	315.942.940
Cổ tức phải trả	466.455.000	174.030.000
Các khoản phải trả khác	1.451.387.826	1.297.646.988
	79.494.614.381	1.787.619.928

- (i) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Công ty không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

(b) Phải trả dài hạn khác

Các khoản phải trả dài hạn khác phản ánh số lượng tiền ký quỹ nhận được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	412.364.158.131	412.364.158.131	978.002.924.376	(1.027.849.892.481)	362.517.190.026	362.517.190.026
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	23.336.863.655	23.336.863.655	56.830.300.620	(23.336.863.655)	56.830.300.620	56.830.300.620
	435.701.021.786	435.701.021.786	1.034.833.224.996	(1.051.186.756.136)	419.347.490.646	419.347.490.646

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)				
Khoản vay 1	VND	5,7% - 6,0%	147.281.633.488	278.912.931.354
Khoản vay 2	USD	2,9% - 3,6%	46.620.110.879	26.072.636.682
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)				
Khoản vay 3	VND	5,5% - 5,8%	127.759.234.346	-
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 4	VND	5,0% - 5,3%	40.856.211.313	-
Khoản vay 5	USD	2,2%	-	54.213.778.464
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 6	USD	4,8%	-	45.422.932.559
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iii)				
Khoản vay 7	USD	2,2%	-	7.741.879.072
			362.517.190.026	412.364.158.131

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 221.223 triệu VND (1/1/2018: 177.396 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.219 triệu VND (1/1/2018: 4.482 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (iii) Các khoản vay ngân hàng này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	144.955.672.178	115.847.738.480
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))	(56.830.300.620)	(23.336.863.655)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	88.125.371.558	92.510.874.825

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	USD	4,1%	2022	16.633.762.624	49.575.213.480
Khoản vay 2 (ii)	USD	5,14%	2025	26.794.659.701	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (iii)					
	USD	4,1%	2020	101.527.249.853	66.272.525.000
				144.955.672.178	115.847.738.480

- (i) Khoản vay được hoàn trả trong nhiều kỳ bắt đầu từ tháng 6 năm 2015 và hoàn trả hết vào tháng 6 năm 2022.
- (ii) Khoản vay đang trong thời gian rút vốn và chưa có lịch trả nợ. Khoản vay được tất toán vào năm 2025.
- Khoản vay (i) và (ii) được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 31.886 triệu VND (1/1/2018: 36.787 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (iii) Khoản vay được hoàn trả trong 20 kỳ bắt đầu sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn cuối cùng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 129.995 triệu VND (1/1/2018: 150.984 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	5.204.158.256	3.086.119.330
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	8.384.063.806	10.872.329.392
Sử dụng trong năm	(6.616.739.480)	(8.735.391.701)
Giảm khác	-	(18.898.765)
Số dư cuối năm	<u>6.971.482.582</u>	<u>5.204.158.256</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	268.449.434.047	534.908.983.897
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	83.840.638.050	83.840.638.050
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(10.872.329.392)	(10.872.329.392)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	341.417.742.705	607.877.292.555
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	94.410.707.854	94.410.707.854
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(52.500.000.000)	(52.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(8.384.063.806)	(8.384.063.806)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	374.944.386.753	641.403.936.603

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Number of shares	VND	Number of shares	VND
Vốn cổ phần được duyệt	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ đông chính của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2018 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017 (2017: không). Khoản cổ tức này đã được thông qua theo nghị quyết số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu****Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Ngoại tệ**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	211.328	4.891.184.478	58.412	1.323.907.074

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	46.339.000.000	77.744.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	32.121.642.337	95.472.261.200
	78.460.642.337	173.216.261.200

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.264.608.351.084	1.170.952.190.397
▪ Bán hàng hóa	472.105.111.541	532.021.413.698
▪ Cung cấp dịch vụ	31.033.878.166	56.499.122.204
▪ Bán phế liệu	24.353.336.582	26.434.574.973
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	20.816.297.535	19.847.983.452
	1.812.916.974.908	1.805.755.284.724
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(663.053.310)	(1.511.284.242)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.340.821.531)	(1.143.509.175)
	(2.003.874.841)	(2.654.793.417)
Doanh thu thuần	1.810.913.100.067	1.803.100.491.307

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2018 VND	2017 VND
Thành phẩm đã bán	1.089.968.080.042	1.011.428.658.358
Hàng hoá đã bán	466.702.251.300	527.139.323.735
Dịch vụ đã cung ứng	26.150.615.518	53.179.338.980
Phế liệu đã bán	22.916.931.807	25.176.497.002
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	7.953.441.704	7.312.556.125
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.280.092.192	243.446.391
	1.616.971.412.563	1.624.479.820.591

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2018 VND	2017 VND
Thu nhập cổ tức	6.317.312.500	780.579.938
Thu nhập lãi tiền gửi	3.118.395.498	3.862.829.261
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	1.915.081.438	1.504.382.731
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	678.867.719	2.183.430.238
	12.029.657.155	8.331.222.168

28. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	28.511.933.602	25.048.712.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.138.170.186	332.198.541
	34.650.103.788	25.380.910.926

29. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Phí hoa hồng	2.637.817.259	4.554.567.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.160.369.318	2.430.907.778
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.321.972.869	1.253.346.417
Chi phí nhân viên	1.129.754.135	1.231.265.634
Chi phí công cụ và dụng cụ	104.833.947	927.007.576
Chi phí bán hàng khác	325.010.662	160.818.712
	6.679.758.190	10.557.913.624

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	28.885.205.133	26.345.903.117
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.512.629.165	9.367.118.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.755.811.416	4.026.523.074
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.644.663.394	1.999.951.603
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.438.180.929	1.498.703.060
Dự phòng nợ xấu	-	(197.899.673)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.581.851.119	5.797.001.649
	47.818.341.156	48.837.301.393

31. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	718.533.275	1.879.600.000
Thu nhập khác	243.989.771	834.600.048
	962.523.046	2.714.200.048

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa bao gồm trong chi phí sản xuất	1.238.406.440.714	1.219.371.950.034
Chi phí nhân công	154.672.367.674	142.752.951.334
Chi phí khấu hao và phân bổ	93.469.046.846	89.400.412.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	203.118.328.894	227.064.525.015

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế hiện hành	23.392.998.264	21.049.328.939
Lợi nhuận thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(848.784.932)	-
	22.544.213.332	21.049.328.939

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	116.954.921.186	104.889.966.989
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	23.390.984.237	20.977.993.398
Chi phí không được khấu trừ thuế	416.691.595	227.451.529
Thu nhập không bị tính thuế	(1.263.462.500)	(156.115.988)
	22.544.213.332	21.049.328.939

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Các công ty con		
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Bán thành phẩm	954.724.850	1.052.664.400
Doanh thu gia công	-	26.089.500
Bán hơi từ lò	2.093.074.500	1.634.624.500
Thu nhập cho thuê	1.756.976.560	2.226.181.527
Thu nhập khác	5.780.171.339	6.521.105.053
Mua hàng hóa	257.269.699	297.140.914
Thu nhập cổ tức	1.568.062.500	-
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An		
Bán thành phẩm	-	414.841.269
Thu nhập khác	-	872.741.250
Mua hàng hóa	-	407.850.849
Mua hàng gia công	-	47.055.122.158
Chi phí thuê	158.680.991	289.091.797
Thu nhập cổ tức	3.249.250.000	780.579.938
Công ty liên doanh		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Bán thành phẩm	6.135.000	-
Thu nhập cho thuê	1.213.983.692	1.005.120.000
Thu nhập khác	2.567.265.765	3.074.902.433
Phí dịch vụ khác	260.821.440	316.459.540
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm	266.633.702.721	219.657.376.467
Bán hơi	4.882.597.176	6.358.115.598
Thu nhập cho thuê	5.914.827.272	5.574.054.544
Thu nhập khác	3.217.372.073	4.158.926.917
Mua hàng hóa	751.719.485.582	689.015.136.991
Thu nhập cổ tức	-	63.168.416
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm và hàng hóa	118.848.279.465	70.427.118.782
Mua hàng hóa	22.798.134.946	25.191.774.843

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	37.465.424.109	17.697.711.520
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	2.057.953.450	3.382.619.470
Thu nhập gia công	-	20.300.350
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng		
Bán thành phẩm	97,191,250	-
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang - CTCP		
Bán thành phẩm	656.535.905	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phân phối cổ tức	24.637.500.000	-
Phí kiểm toán	-	409.000.000
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán thành phẩm	1.075.730.620	-
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc		
Lương và thưởng	6.154.179.000	4.260.276.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

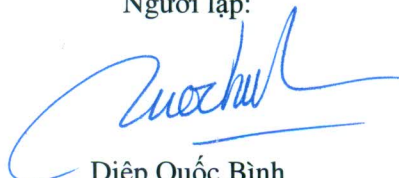
	2018 VND	2017 VND
Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	2.187.194.485	1.711.448.713

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

